

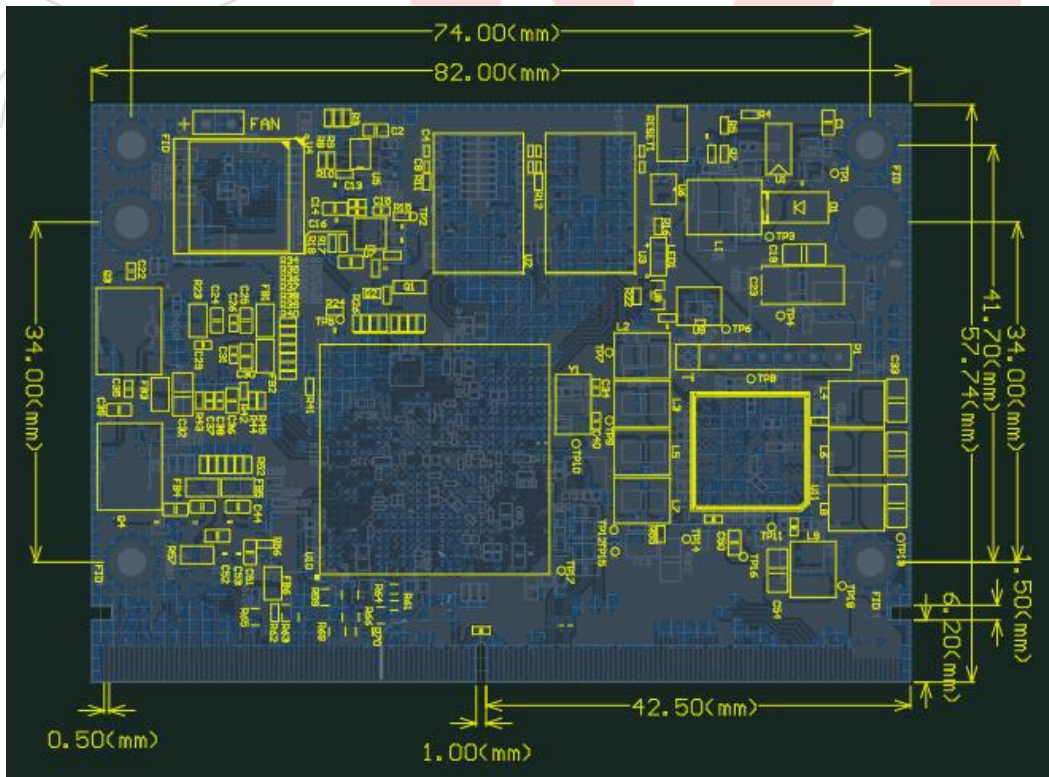
132MODULE-VG-IPU-S1-V1

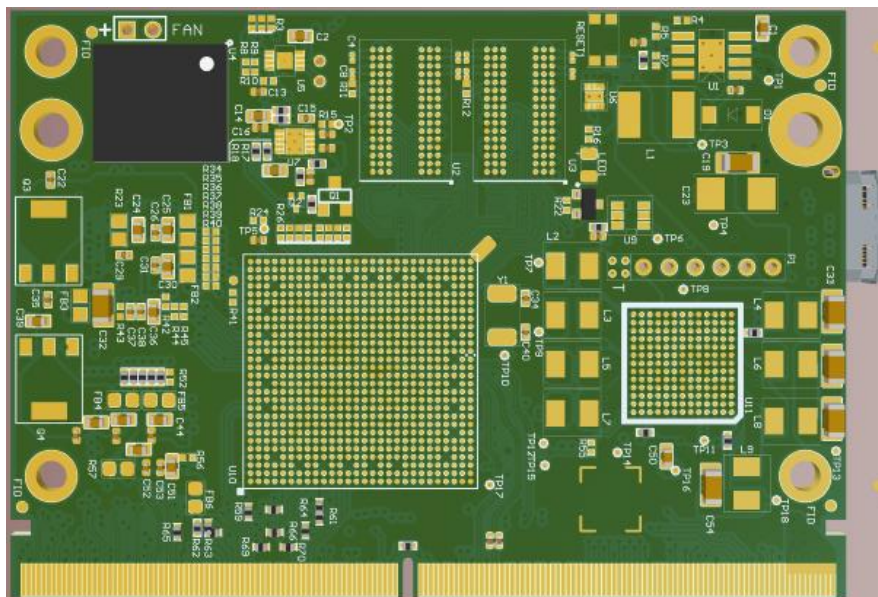
Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo đến quý khách hàng vì lý do cải tiến liên tục trong sản phẩm.

Đặc tính kỹ thuật:

- Sử dụng cho các ứng dụng đa mục đích liên quan đến sử dụng công nghệ nhúng.
- Hỗ trợ chip lập trình xử lý số cho chuẩn bus song song 8/16 bit.
- Hỗ trợ vùng lưu trữ eMMC onboard cho bootloader và chương trình với lưu lượng hỗ trợ tối đa 16GB.
- Hỗ trợ vùng nhớ thực thi chương trình onboard lưu lượng tối đa 2GB chuẩn DDR3/DDR3L
- Hỗ trợ giao tiếp bộ nhớ ngoài qua chuẩn giao tiếp thẻ đa phương tiện (MMC)
- Hỗ trợ 1 cổng ethernet chuẩn 10/100/1000 Mbps
- Hỗ trợ 02 cổng giao tiếp USB 2.0 chế độ host.
- Hỗ trợ 8 cổng kết nối dữ liệu nối tiếp định dạng PCM, tốc độ lấy mẫu 8Khz và tốc độ bit tối đa 4Mhz.
- Cho phép cấu hình autorun.

Hình sản phẩm module tham chiếu :





Bảng tín hiệu SMARC

S1	SCL5	S11	MCAS P2_A XR0	S21	P0_TRD[1]N	S31	E0_YE L	S41	DD6	S51	DD12
S2	SDA5	S12	MCAS P2_A XR1	S22	GBE1_LI NK1000#	S32	PCIE_ D_RX+	S42	DD15	S52	OE\
S3	GND	S13	GND	S23	P0_TRD[2]P	S33	PCIE_ D_RX-	S43	DD13	S53	AD8
S4	MCASP2_ FSX	S14	MCAS P2_A XR3	S24	P0_TRD[2]N	S34	GND	S44	DD14	S54	SATA_ ACT#
S5	I2C_CAM 0_CK	S15	MCAS P2_A XR2	S25	GND	S35	USB4+	S45	DD11	S55	USB5_ EN_OC #
S6	MCASP2_ CLKX	S16	GND	S26	P0_TRD[3]P	S36	USB4-	S46	DD9	S56	AD6
S7	I2C_CAM 0_DATA	S17	P0_TR D[0]P	S27	P0_TRD[3]N	S37	USB3_ VBUS_ DET	S47	GND	S57	AD13
S8	MCASP2_ AXR4	S18	P0_TR D[0]N	S28	GBE1_C TREF	S38	DD4	S48	I2C4_ SCL	S58	AD9
S9	MCASP2_ AXR5	S19	E0_G RN	S29	PCIE_D_ TX+	S39	DD5	S49	I2C4_ SDA	S59	USB5+
S10	GND	S20	P0_TR D[1]P	S30	PCIE_D_ TX-	S40	DD2	S50	DD7	S60	USB5-

S61	GND	S71	USB2_SST_X+	S81	PCIE_C_TX+	S91	PCIE_B_TX-	S101	GND	S111	-
S62	USB3_SST_X+	S72	USB2_SST_X-	S82	PCIE_C_TX-	S92	GND	S102	HDMI0_CK_P	S112	-
S63	USB3_SST_X-	S73	GND	S83	GND	S93	HDMI0_D0_P	S103	HDMI0_CK_N	S113	-
S64	GND	S74	USB2_SSR_X+	S84	PCIE_B_REFCK+	S94	HDMI0_D0_N	S104	USB3_OTG_ID	S114	-
S65	USB3_SSR_X+	S75	-	S85	PCIE_B_REFCK-	S95	-	S105	HDMI0_SCL	S115	-
S66	USB3_SSR_X-	S76	PCIE_B_RS_T#	S86	GND	S96	HDMI0_D1_P	S106	HDMI0_SD_A	S116	-
S67	GND	S77	PCIE_C_RS_T#	S87	PCIE_B_RX+	S97	HDMI0_D1_N	S107	-	S117	-
S68	USB3+	S78	PCIE_C_RX+	S88	PCIE_B_RX-	S98	HDMI0_HOTPLUG	S108	-	S118	-
S69	USB3-	S79	PCIE_C_RX-	S89	GND	S99	HDMI0_D2_P	S109	-	S119	GND
S70	GND	S80	GND	S90	PCIE_B_TX+	S100	HDMI0_D2_N	S110	GND	S120	-

S12_1	-	S13_1	-	S141	-	S151	CHAR_GING#				
S12_2	-	S13_2	GND	S142	-	S152	CHAR_GER_P_RSNT#				
S12_3	-	S13_3	-	S143	GND	S153	CARRI_ER_ST_BY#				
S12_4	GND	S13_4	-	S144	-	S154	PORZ				
S12_5	-	S13_5	-	S145	WDT_TI_ME_OUT#	S155	FORCE_RECO_V#				
S12_6	-	S13_6	GND	S146	PCIE_WAKE#	S156	BATL_OW#				
S12	-	S13	-	S147	VBAT	S157	-				

7		7									
S128	-	S138	-	S148	LID#	S158	-				
S129	-	S139	-	S149	SLEEP#						
S130	-	S140	-	S150	VIN_PW R_BAD#						

P1	-	P11	MCAS P2_A XR15	P21	E1_GRN	P31	DD0	P41	MMC 1_DA T2	P51	SATA _RX+
P2	GND	P12	GND	P22	GBE0_LI NK1000#	P32	GND	P42	MMC 1_DA T3	P52	SATA _RX-
P3	MCASP2_ AXR10	P13	MCAS P2_A XR12	P23	P1_TRD[2]N	P33	SDIO_ WP	P43	SPI3_ CS0	P53	GND
P4	MCASP2_ AXR11	P14	MCAS P2_A XR13	P24	P1_TRD[2]P	P34	MMC1 _CMD	P44	SPI3_ SCLK	P54	DD10
P5	MCASP2_ FSR	P15	GND	P25	E1_YEL	P35	SDIO_ CD#	P45	SPI3_ D1	P55	DD8
P6	MCASP2_ ACLKR	P16	MCAS P2_A XR8	P26	P1_TRD[1]N	P36	MMC1 _CLK	P46	SPI3_ D0	P56	DD1
P7	MCASP2_ AXR6	P17	MCAS P2_A XR9	P27	P1_TRD[1]P	P37	SDIO_ PWR_ EN	P47	GND	P57	DD3
P8	MCASP2_ AXR7	P18	GND	P28	GBE0_C TREF	P38	-	P48	SATA _TX+	P58	ALE\
P9	GND	P19	P1_TR D[3]N	P29	P1_TRD[0]N	P39	MMC1 _DAT0	P49	SATA _TX-	P59	GND
P10	MCASP2_ AXR14	P20	P1_TR D[3]P	P30	P1_TRD[0]P	P40	MMC1 _DAT1	P50	GND	P60	USB2_ DP

P61	USB2_DM	P71	USB2_ _EN_ OC#	P81	PCIE_C_ REFCK-	P91	GND	P101	HDMI _CK+ / DP1_ LANE 3+	P111	AD14
P62	USB0_EN _OC#	P72	WE\	P82	GND	P92	HDMI_ D2+ / DP1_L	P102	HDMI _CK- / DP1_	P112	AD3

							ANE0+		LANE 3-		
P63	USB0_VB US_DET	P73	AUTH EN-1	P83	SERDES _CLKP	P93	HDMI_ D2- / DP1_L ANE0-	P103	GND	P113	GPIO5 / PWM_ OUT
P64	USB0_OT G_ID	P74	USB3 _EN_ OC#	P84	SERDES _CLKN	P94	GND	P104	HDMI _HPD / DP1_ HPD	P114	CS2\
P65	USB1_DP	P75	PCIE_ A_RS T#	P85	GND	P95	HDMI_ D1+ / DP1_L ANE1+	P105	HDMI _CTR L_CK / DP1_ AUX+	P115	CS4\
P66	USB1_DM	P76	USB4 _EN_ OC#	P86	CON.PCI E_RXP0	P96	HDMI_ D1- / DP1_L ANE1-	P106	HDMI _CTR L_DA T / DP1_ AUX-	P116	CS0\
P67	USB1_EN _OC#	P77	WAIT 1	P87	CON.PCI E_RXN0	P97	GND	P107	DP1_ AUX_ SEL	P117	CS3\
P68	GND	P78	-	P88	GND	P98	HDMI_ D0+ / DP1_L ANE2+	P108	AD0	P118	AD12
P69	USB2+	P79	GND	P89	CON.PCI E_TXP0	P99	HDMI_ D0- / DP1_L ANE2-	P109	AD15	P119	AD7
P70	USB2-	P80	PCIE_ C_RE FCK+	P90	CON.PCI E_TXN0	P100	GND	P110	AD2	P120	GND

P12 1	I2C_PM_C K	P13 1	SER0_ RTS#	P141	SER3_R X	P151	5V0				
P12 2	I2C_PM_D AT	P13 2	SER0_ CTS#	P142	GND	P152	5V0				
P12 3	BOOT_SE L0#	P13 3	GND	P143	CAN2_T xD	P153	5V0				
P12 4	BOOT_SE L1#	P13 4	SER1_ TX	P144	CAN2_R xD	P154	5V0				

P12 5	BOOT_SE L2#	P13 5	SER1_ RX	P145	CAN1_T X	P155	5V0				
P12 6	NEXTRST	P13 6	AD4	P146	CAN1_R X	P156	5V0				
P12 7	RESET_IN	P13 7	AD10	P147	5V0						
P12 8	PWRON	P13 8	AD11	P148	5V0						
P12 9	UART3_T XD	P13 9	AD5	P149	5V0						
P13 0	UART3_R XD	P14 0	AD1	P150	5V0						



B2B
 Your success is our success